

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2024

V/v tranh chấp "ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Thoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Tám

Ông Võ Thanh Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phạm Kiều Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2024/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự.

*Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị T**, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt);

*HKTT:* **khu phố C, phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;**

*Nơi ở hiện nay:* **số A, đường A, phường T, quận I, thành phố T.**

*Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thái N**, sinh năm 1990 (vắng mặt);

*Địa chỉ:* **khu phố C, phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và nguyên đơn chị **Bùi Thị T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh **Nguyễn Thái N** do quen biết và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội** theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65 ngày 13/10/2027. Sau khi cưới chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau. Chị và anh **N** đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc. Nên chị yêu cầu ly hôn với anh **Nguyễn Thái N**.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Nguyễn Thái N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị T có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thái N vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn”, bị đơn anh Nguyễn Thái N có hộ khẩu thường trú tại khu phố C, phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Thái N về chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 13/10/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau. Chị T và anh N đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2021 cho đến nay.

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy: sau khi chị T và anh N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Từ khi ly thân cho đến nay thì chị T và anh N không còn liên lạc với nhau. Sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh N để thông báo về yêu cầu ly hôn của chị T, nhưng anh N không có ý kiến gì; không có mặt tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, anh N không thể hiện được ý kiến, cũng không đưa ra biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc anh N không đến trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án là anh N đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Mặc dù, Tòa án đã động viên nhưng chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh N.

[3.2] Từ những tình tiết trên, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **T** là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị **T** trình bày không có, anh **N** thì không có ý kiến gì. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc chị **Bùi Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Bùi Thị T** được ly hôn với anh **Nguyễn Thái N**.

2. Về án phí: Chị **Bùi Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị **T** đã nộp theo biên lai thu số 0004888 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị **T** đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Lê Thị Kim Thoa**



